



BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ LẠC THUY

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 21A	Hết địa giới hành chính thị trấn Chi Nê cũ (tiếp giáp với xã Phú Nghĩa)	Cầu Chéo thôn Chéo Vòng	4.210	3.030	1.860	2.700	2.000	1.200	2.400	1.700	1.100
2		Cầu Chéo thôn Chéo Vòng	Ngõ nhà ông Bùi Đức Thụ	5.560	4.040	2.700	3.600	2.600	1.800	3.100	2.300	1.500
3		Hết đất nhà ông Bùi Đức Thụ	Ngõ vào trạm bơm nước sạch thị trấn Chi Nê cũ	7.240	5.890	2.860	4.800	3.800	1.900	4.100	3.300	1.600
4		Ngõ vào trạm bơm nước sạch thị trấn Chi Nê cũ	Ngõ vào nhà ông Nền khu dân cư số 2	12.450	9.590	5.560	8.100	6.300	3.600	7.100	5.400	3.100
5		Ngõ vào nhà ông Nền khu dân cư số 2	Ngõ vào UBND thị trấn Chi Nê cũ (ngõ đường số 9 Khu 9)	16.830	10.940	8.250	10.900	7.100	5.300	9.500	6.200	4.700
6		Ngõ vào UBND thị trấn Chi Nê cũ (ngõ đường số 9 Khu 9)	Ngõ vào Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	12.450	9.590	5.560	8.100	6.300	3.600	7.100	5.400	3.100
7		Ngõ vào Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đường vào Trường Đảng cũ	11.110	8.250	4.210	7.200	5.300	2.700	6.300	4.700	2.400
8		Đường vào Trường Đảng cũ	Hết địa giới hành chính thị trấn Chi Nê cũ (tiếp giáp với xã Đồng Tâm)	7.240	5.890	2.860	4.800	3.800	1.900	4.100	3.300	1.600
9		Hết địa giới hành chính thị trấn Chi Nê cũ (tiếp giáp với xã Đồng Tâm)	Đầu cầu Đồng Lắm	5.000	3.600	2.200	3.700	2.700	1.600	3.300	2.400	1.400
10		Cầu Đồng Lắm	Hết địa giới hành chính xã Đồng Tâm	2.430	1.750	1.070	1.800	1.300	800	1.600	1.100	700
11	Đường Tỉnh lộ 438	Ngã ba Chi Nê	Ngã ba cầu cứng Chi Nê	16.830	10.940	8.250	10.900	7.100	5.300	9.500	6.200	4.700
12		Ngã ba Cầu cứng Chi Nê	Mỏ cầu cứng Chi Nê	12.450	9.590	5.560	8.100	6.300	3.600	7.100	5.400	3.100
13	Đường Tỉnh lộ 438A	Đầu Cầu Chi Nê	Giáp địa giới hành chính xã Yên Bồng cũ	4.000	2.550	1.830	3.000	1.900	1.400	2.600	1.700	1.200
14		Giáp địa giới hành chính xã Khoan Dụ	Hết địa giới hành chính xã Yên Bồng (giáp xã Gia Lâm (xã Xích Thổ cũ), tỉnh Ninh Bình)	4.500	3.870	3.240	3.400	2.900	2.400	2.900	2.500	2.100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
15	Đường Tỉnh lộ 438B	Ngã ba Bến Trãi	Giáp địa giới hành chính xã Thống Nhất (xã Liên Hòa cũ)	4.000	2.550	1.830	3.000	1.900	1.400	2.600	1.700	1.200
16	Đường liên xã	Giáp đường QL21A	Ngã ba thôn Đại Đồng	5.000	3.600	2.200	3.700	2.700	1.600	3.300	2.400	1.400
17		Ngã ba thôn Đại Đồng	Hết địa giới hành chính xã Lạc Thủy	3.600	2.600	1.590	2.700	1.900	1.200	2.400	1.700	1.000
18	Các tuyến đường khác	Giáp đường QL21A	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đến phần diện tích đất công qua đường, đường số 7 (hộ bà Nguyễn Thị Hằng)	11.110	8.250	4.210	7.200	5.300	2.700	6.300	4.700	2.400
19		Ngã ba Cầu cứng	Hết phần đất nhà ông Nguyễn Quang Tỉnh (đường xuống Đại Tiến)	11.110	8.250	4.210	7.200	5.300	2.700	6.300	4.700	2.400
20		Nhà ông Nguyễn Văn Đang (Khu 3)	Ngã 4 Trường Mầm non thị trấn Chi Nê cũ	11.110	8.250	4.210	7.200	5.300	2.700	6.300	4.700	2.400
21		Giáp đường từ QL21A	Ngã 4 Trường Mầm non thị trấn Chi Nê cũ (đường số 6)	11.110	8.250	4.210	7.200	5.300	2.700	6.300	4.700	2.400
22		Quốc lộ 21A (đã trừ các thửa đất thuộc đường phố loại 3)	Hết diện tích thửa đất của ông Lê Đình Tuấn khu 10	7.240	5.890	2.860	4.800	3.800	1.900	4.100	3.300	1.600
23		Ngã 4 phòng Giáo Dục	Ngã 3 hộ ông Phạm Ngọc Minh	5.560	4.040	2.700	3.600	2.600	1.800	3.100	2.300	1.500
24		Nhà văn hóa Khu 1	Cổng qua đường, đường số 7 (hộ ông Nguyễn Ngọc Lượng)	4.210	3.030	1.860	2.700	2.000	1.200	2.400	1.700	1.100
25		Cầu xi măng (cổng trường Cơ điện Tây Bắc)	Hộ ông Vũ Văn Bằng thuộc khu 13	1.300	1.030	850	850	680	510	770	600	450
26		Các tuyến đường thuộc UBND xã Lạc Long cũ		1.300	1.030	850	850	680	510	770	600	450
27		Tiếp giáp QL21A (Cầu Chéo)	Ngã 3 nhà văn hóa thôn Đồi Hoa	1.300	1.030	850	850	680	510	770	600	450
28		Cầu ông Hiếu	Cổng Sông Bi thôn Ngai Long	1.300	1.030	850	850	680	510	770	600	450
29		Ngã ba Chợ Đồng Tâm	Đường rẽ vào Nghĩa trang Lò Gạch	5.000	3.600	2.200	3.700	2.700	1.600	3.300	2.400	1.400
30		Ngã ba Chợ Đồng Tâm	Cổng trường Cao đẳng Nghề cơ điện Tây Bắc	2.430	1.750	1.070	1.800	1.300	800	1.600	1.100	700

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
31	Các tuyến đường khác	Ngã ba Cầu Sung	Đường rẽ vào Nhà Văn hóa thôn Đồng Nhất	2.430	1.750	1.070	1.800	1.300	800	1.600	1.100	700
32		Cầu Đồng Lắm	Hết địa giới hành chính xã Đồng Tâm	950	810	490	710	610	370	620	530	330
33		Ngã ba Lò gạch (tiếp giáp khu vực 1)	Chân đập Đồi Bô	950	810	490	710	610	370	620	530	330
34		Nhà văn hóa thôn Đồng Nhất	Hết thôn Đại Đồng (đường đi Vân Long, Ninh Bình)	950	810	490	710	610	370	620	530	330
35		Giáp đường QL21A	Trường Tiểu học và THCS A Đồng Tâm	950	810	490	710	610	370	620	530	330
36		Nhà ông Nguyễn Văn Ngọc (khu 13, thị trấn Chi Nê cũ)	Ngã ba thôn Tân Tiến nhà ông Đinh Văn Hoạch	950	810	490	710	610	370	620	530	330
37		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Đậu	Nhà ông Trịnh Văn Thọ thôn Tân Tiến	950	810	490	710	610	370	620	530	330
38		Giáp đường QL21A	Nhà ông Trần Minh Thông (thôn Đồng Nội)	950	810	490	710	610	370	620	530	330
39		Đường vào nhà ông Trần Văn Khương	Nhà ông Phạm Văn Tuyển thôn Đồng Phú;	950	810	490	710	610	370	620	530	330
40		Đường vào nhà ông Dương Thế Giới	Nhà ông Lưu Việt Đức thôn Đồng Phú	950	810	490	710	610	370	620	530	330
41		Nhà ông Nguyễn Văn Hoạt	Nhà ông Đinh Văn Bảy	950	810	490	710	610	370	620	530	330
42		Giáp đường QL21A	Nhà ông Mai Huy Đậu thôn Đồng Nhất	680	490	410	500	370	310	450	330	270
43		Giáp đường QL21A	Nhà ông Nguyễn Quốc Toàn thôn Đồng Nhất	680	490	410	500	370	310	450	330	270
44		Giáp đường QL21A	Nhà bà Nguyễn Thị Nga thôn Đồng Bong	680	490	410	500	370	310	450	330	270
45		Giáp đường QL21A	Nhà ông Trịnh Minh Chính thôn Đồng Bong	680	490	410	500	370	310	450	330	270
46		Dốc Đá Giáng đi Ngọc Lâm	Địa giới hành chính tỉnh Ninh Bình	680	490	410	500	370	310	450	330	270
47		Đi ngã ba thôn Rộc Trụ 1	Giáp địa giới hành chính xã Thống nhất (xã Liên Hòa cũ) qua hộ ông Đinh Duy Nuôi	690	520	440	520	390	330	460	350	290
48		Đường tỉnh 438A	Ngã ba đường đi Sóc Bi	690	520	440	520	390	330	460	350	290
49		Đường tỉnh 438B	Xóm Rộc Si	690	520	440	520	390	330	460	350	290
50		Đường tỉnh 438B	Hồ Bai Bồn	690	520	440	520	390	330	460	350	290

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
51	Các tuyến đường khác	Đường tỉnh 438B	Đầu Đồi (đối diện cột phát sóng Vinaphone vào hộ ông Phan Minh Công)	690	520	440	520	390	330	460	350	290
52		Đường tỉnh 438B	Rộc Trụ (đường sân vận động Rộc Trụ 1 vào Hòn Đá Vuông)	690	520	440	520	390	330	460	350	290
53		Cầu Guộng đi thôn Đồi Chùa (giáp hộ ông Nguyễn Văn Trường thôn Đồi Chùa)	Thôn Đông Yên, thôn Sóc Bai, thôn Mạnh Tiến 2 (giáp hộ ông Nguyễn Văn Chi)	770	580	480	580	440	350	500	390	320
54		Giáp Tỉnh lộ 438B	Hộ ông Trần Văn Chắt thôn Đông Yên	770	580	480	580	440	350	500	390	320
55		Giáp đường 438B (Trụ sở UBND xã Yên Bồng cũ)	Thôn Hồng Phong (tiếp giáp đường Xuân Thiện)	770	580	480	580	440	350	500	390	320
56		Cầu Đồi	Thôn Quyết Tiến đến hộ ông Nguyễn Văn Huỳnh thôn Sóc Bai	770	580	480	580	440	350	500	390	320
57		Hộ ông Dương Văn Hồng thôn Hồng Phong 3	Hộ ông Nguyễn Văn Thụ	770	580	480	580	440	350	500	390	320
58		Hộ ông Nguyễn Văn Trường	Giáp đập Cầu Đô	770	580	480	580	440	350	500	390	320
59		Hộ ông Phạm Văn Minh	Hộ ông Lê Xuân Thành thôn Mạnh Tiến 1	770	580	480	580	440	350	500	390	320
60	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			460			350			310		